

**BÁO CÁO**  
**Về việc Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2023**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường (BVMT) số 72/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Nghị định Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Công ty Nhiệt điện Cần Thơ kính gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ ***“Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2023 của Khu nhà ở CBCNV Khu quản lý vận hành và sửa chữa NMNĐ Ô Môn I”*** theo phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính chào./.

***Nơi nhận:***

- Như trên (03 bản giấy);
- EVNGENCO2 (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KTAT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Lộc**

## THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở: Khu QLVH&SC – Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I
- Địa chỉ cơ sở: Đường Nguyễn Chí Thanh, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 0292.246.8079
- Người đại diện: Ông Huỳnh Thanh Phong
- Loại hình: Khu nhà ở CBCNV Khu quản lý vận hành và sửa chữa
- + Quy mô:
- + Tần suất hoạt động: Không thường xuyên.
- Địa điểm thực hiện của cơ sở: Đường Nguyễn Chí Thanh, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Loại hình: Khu nhà ở của CBCNV Khu quản lý vận hành và sửa chữa
- Mã số thuế: 1800590430-008
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất: Không có
- Điện tiêu thụ năm 2022: 463.463 kWh
- Điện tiêu thụ năm 2023: 459.017 kWh
- Nước tiêu thụ của năm 2022: 18.216 m<sup>3</sup>
- Nước tiêu thụ của năm 2023: 27.188 m<sup>3</sup>

## **PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải**

#### ***1.1. Xử lý nước thải***

##### ***- Nước thải sinh hoạt***

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, nhà trẻ, hồ bơi sinh sống trong Cơ sở, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 58,2 (m<sup>3</sup>/ngày đêm).

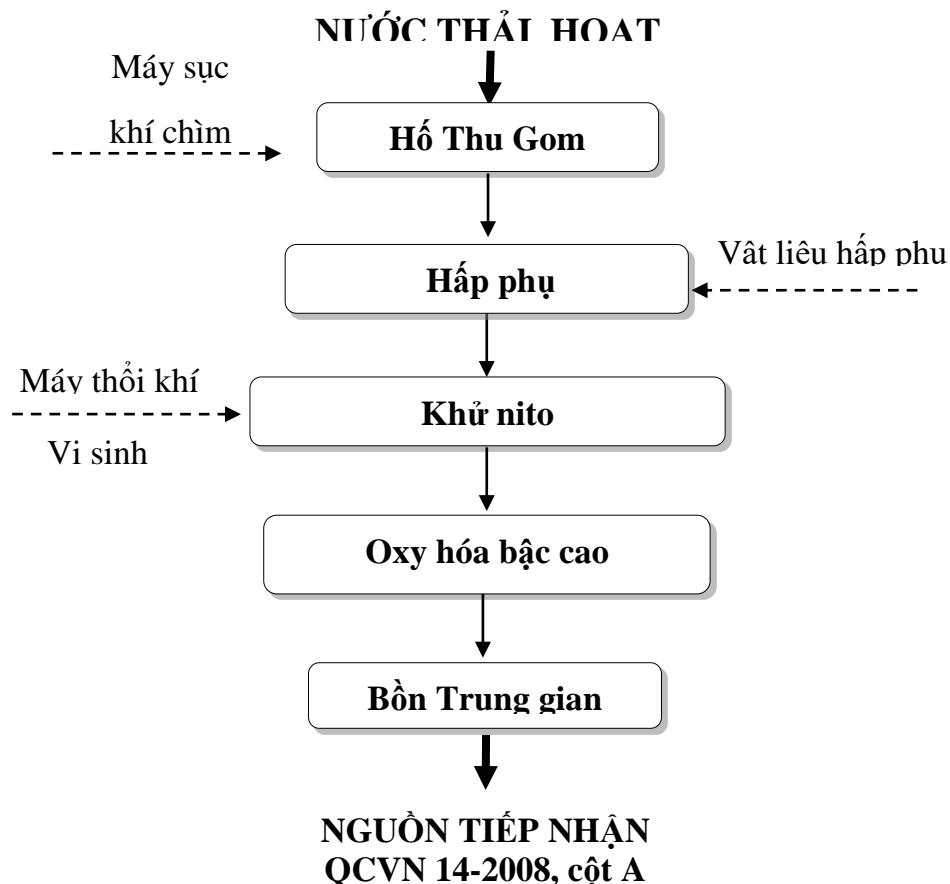
Công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo thiết kế là 70m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải được thu gom xử lý qua hầm tự hoại trước khi thải ra đường thoát nước chung trong khu vực.

##### ***- Nước mưa chảy tràn***

Loại nước này sinh ra do lượng nước mưa rơi trên mặt bằng của Cơ sở, chất lượng nước mưa tùy thuộc vào độ trong sạch của khí quyển.

Mặt bằng tổng thể của Cơ sở, sân bãi và đường giao thông nội bộ đều được trải nhựa hoặc lát gạch, phần đất trống được bố trí trồng cỏ, cây xanh tạo vẻ mỹ quan trong khuôn viên và điều hòa vi khí hậu trong khu vực. Vì vậy, nước mưa chảy tràn phát sinh trong khuôn viên Cơ sở tương đối sạch, được thu gom vào cống thoát nước mưa và thoát vào đường thoát nước chung trong khu vực.



#### - Hồ gom:

Nước thải từ khu vực sản xuất hằng ngày được dẫn về hồ thu gom hiện hữu của khu nhà ở. Hồ thu gom có nhiệm vụ tiếp nhận và được bơm vào xử lý sinh học.

#### - Quá trình hấp phụ:

**Hấp phụ vật lý:** Các nguyên tử bị hấp phụ liên kết với những tiểu phân (nguyên tử, phân tử, các ion,...) ở bề mặt phân chia pha bởi lực liên kết Van der Waals yếu. Nói một cách khác, trong hấp phụ vật lý các phân tử của chất bị hấp phụ và chất hấp phụ không tạo thành hợp chất hóa học (không hình thành các liên kết hóa học) mà chỉ bị ngưng tụ trên bề mặt phân chia pha và bị giữ lại trên bề mặt bằng lực liên kết phân tử yếu (lực Van der Waals) và liên kết hydro. Sự hấp phụ vật lý luôn luôn thuận nghịch. Nhiệt hấp phụ không lớn.

**Hấp phụ hóa học:** Có những lực hóa trị mạnh (do các liên kết bên của liên kết ion, liên kết cộng hóa trị, liên kết phối trí,...) liên kết những phân tử hấp phụ và những phân tử bị hấp phụ tạo thành những hợp chất hóa học trên bề mặt phân chia pha. Nói một cách khác, hấp phụ hóa học xảy ra khi các phân tử hấp phụ tạo thành hợp chất hóa học với các phân

tử bị hấp phụ và hình thành trên bề mặt phân chia pha (bề mặt hấp phụ). Lực hấp phụ hóa học khi đó là lực liên kết hóa học thông thường (liên kết ion, liên kết cộng hóa trị, liên kết phối trí,...) sự hấp phụ hóa học luôn luôn bất thuận nghịch. Nhiệt hấp phụ hóa học lớn, có thể đạt tới giá trị 800kJ/mol.

**- Khử Nito (cách gọi khác: Quá trình sinh học tiếp xúc 2 giai đoạn):**

Bể sinh học thiếu khí sử dụng các vi sinh vật yếm khí với nhiệm vụ loại bỏ các chất ô nhiễm trong môi trường thiếu khí như các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng (N, P).

Nước thải sau khi được xử lý ở bể sinh học thiếu khí sẽ giảm tối đa nồng độ N, P (hiệu suất xử lý 80% – 90%) và giảm một phần nồng độ ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD (hiệu suất xử lý 10% – 20%).

Sau đó, nước thải tiếp tục chảy sang bể sinh học hiếu khí.

Quy trình xử lý bằng bùn hoạt tính hiếu khí là quá trình xử lý sinh học hiếu khí, sử dụng các vi sinh vật hiếu khí phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải bằng bùn hoạt tính có đầy đủ oxy hòa tan ở nhiệt độ, pH,... thích hợp.

**- Oxy hóa bậc cao:**

Khử mùi : Oxy hóa H<sub>2</sub>S, mercaptan, amine và aldehyde. Có thể đưa trực tiếp vào nước thải có mùi hoặc đưa vào tháp phun ướt để khử mùi từ dòng khí.

Kiểm soát sự ăn mòn: Phân hủy dư lượng chlorine và hợp chất lưu huỳnh (thiosulfates, sulfites và sulfides) tạo ra các axit khi ngưng tụ trong thiết bị và bị oxy hóa bởi không khí.

Khử BOD, COD : Oxy hóa các chất ô nhiễm gây ra BOD, COD, đối với những chất khó phân hủy có thể cần xúc tác.

Oxy hóa chất vô cơ: Oxy hóa cyanide, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>, nitrites, hydrazine, carbonyl sulfide, và các hợp chất lưu huỳnh (phần khử mùi).

Oxy hóa chất hữu cơ: Thủy phân formaldehyde, cacbon disulfide (CS<sub>2</sub>), carbohydrat, photpho hữu cơ, các hợp chất nitơ, phenol, thuốc bảo vệ thực vật...

Oxy hóa kim loại: Oxy hóa sắt II, mangan, arsenic, selenium... để cải thiện khả năng hấp phụ, lọc hay kết tủa từ các quá trình xử lý nước và nước thải.

Khử độc, cải thiện khả năng phân hủy sinh học: Với xúc tác mạnh phân hủy các chất hữu cơ phức tạp thành đơn giản hơn, ít độc hơn, dễ phân hủy sinh học hơn.

Giải phóng các bọt khí nhỏ phân tán, nâng cao hiệu quả khử loại các vẩn dầu mỡ trong hệ thống tuyển nổi.

**- Bùn trung gian (tích hợp vào bồn oxy hóa nâng cao).**

Chỉ là dùng chứa nước sau xử lý để kiểm tra, theo dõi chất lượng nước.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn: **Cột A, QCVN 14-2008/BTNMT.**

**Bảng 1.1: Lưu lượng nước thải phát sinh**

<b>Nguồn phát sinh</b>	<b>Lưu lượng (m<sup>3</sup>/năm)</b>
Nước thải sinh hoạt	21.243
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.243</b>

**1.2. Kết quả quan trắc nước thải**

**1.2.1 Quan trắc định kỳ nước thải**

*1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt*

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1 - Quý I: Ngày 27 tháng 03 năm 2023;

+ Đợt 2 - Quý II: Ngày 30 tháng 06 năm 2023;

+ Đợt 3 - Quý III: Ngày 27 tháng 09 năm 2023;

+ Đợt 4 - Quý IV: Ngày 10 tháng 11 năm 2023.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Vị trí quan trắc: Điểm quan trắc 1

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A; K = 1

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng. Số Vimcerts 019.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn:

**Bảng 1.1: Kết quả phân tích mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng của Cơ sở**

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc				QCVN 14:2008/ BTNMT, K = 1
				Kinh độ	Vĩ độ			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
1.	Điểm quan trắc 1	NT1	Quý 1: 27/03/2023	1116356	0577251	Đạt	pH	7,17	7,25	7,36	7,66	<b>5-9</b>
			Quý 2: 30/06/2023			Đạt	Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C), (mg/L)	9	11	11	13	<b>50</b>
			Quý 3: 27/09/2023			Đạt	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS), (mg/L)	16,00	10,00	23,00	14,00	<b>30</b>
			Quý 4: 10/11/2023			Đạt	Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N), (mg/L)	KPH (MDL = 0,70)	KPH (MDL = 0,70)	KPH (MDL = 0,70)	< 2,10	<b>5</b>
						Đạt	Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N), (mg/L)	0,16	1,30	0,37	0,59	<b>10</b>
						Đạt	Hàm lượng Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P), (mg/L)	0,48	0,27	0,11	0,13	<b>30</b>
						Đạt	Hàm lượng Dầu mỡ động, thực vật, (mg/L)	KPH (MDL = 0,30)	1,80	4,00	< 2,70	<b>6</b>
						Đạt	Coliforms (MPN/100mL)	KPH	4,8 x 10 <sup>2</sup>	2,4 x 10 <sup>3</sup>	2,7 x 10 <sup>3</sup>	<b>3.000</b>

**- Kết luận:**

Kết quả phân tích nước thải tại hố ga cuối cùng tại Cơ sở có các chỉ tiêu đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A với K=1.

**2. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với khí thải**

Khu quản lý vận hành và sửa chữa là khu nhà ở của cán bộ công nhân viên, vì vậy Cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp.

**3. Về quản lý chất thải rắn**

**- Chất thải rắn sinh hoạt**

**Bảng 3.1: Thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt**

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
1	Chất thải sinh hoạt	37,530	Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ	26,804

**- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Vì đây là khu nhà ở cho Cán bộ công nhân viên nên chất thải phát sinh chủ yếu là chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không phát sinh.

**- Chất thải nguy hại:** Không có phát sinh.

**- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:**

Cơ sở luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023, không có phát sinh chất thải nguy hại. Trong trường hợp có phát sinh chất thải nguy hại, Cơ sở sẽ tiến hành thu gom, lưu trữ và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**4. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thẩm tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).**

Không có.



## **PHỤ LỤC KÈM THEO**

1. Kết quả phân tích mẫu.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 19) của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 27 tháng 10 năm 2023.
3. Hợp đồng Quan trắc môi trường số 23/2022/HĐ-Catech và Hợp đồng số 24/2023/HĐ-Catech.
4. Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đề án BVMT chi tiết “Khu QLVH&SC NMNĐ Ô Môn I”;
5. Hợp đồng Dịch vụ vệ sinh số 01/2023/HĐDV.BT.
6. Biên bản bàn giao CTR sinh hoạt.

## PHỤ LỤC

THÔNG TIN CHUNG .....	2
PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	3
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải .....	3
1.1. Xử lý nước thải .....	3
1.2. Kết quả quan trắc nước thải .....	6
1.2.1 Quan trắc định kỳ nước thải .....	6
1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt .....	6
2. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với khí thải .....	8
3. Về quản lý chất thải rắn .....	8
4. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thẩm tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).....	8
PHỤ LỤC KÈM THEO.....	9